

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NẬM PỒ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/HS-ST

Ngày: 18-11-2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NẬM PỒ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Sao

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thúy và ông Khoàng Văn Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Lò Văn Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Phùng Việt Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 08/2021/TLST-HS ngày 06/10/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2021/QĐXXST-HS ngày 08/11/2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lý Ông C; sinh ngày 18/8/1987 tại huyện S1, tỉnh Lào Cai; Nơi cư trú: Bản S, xã H, huyện N, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Làm nương; Trình độ học vấn: Không; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lý Phú S2 và bà Chảo Lù M; Bị cáo có vợ là Chảo Pàng P và 03 con nuôi; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 12/8/2021 cho đến nay, có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo : Bà Mai Thị Thanh Liêm, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Điện Biên, có mặt.

- Nguyên đơn dân sự: Ủy ban nhân dân xã H, huyện Nậm Pồ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Phú T, chức vụ: Chủ tịch; địa chỉ: Bản N1, xã H, huyện N, tỉnh Điện Biên, có mặt.

- Người làm chứng: Phòng Ông S3, sinh năm 1998; địa chỉ: Bản S, xã N, huyện N, tỉnh Điện Biên, vắng mặt.

- Người phiên dịch cho bị cáo : Ông Chao A D; sinh năm 1996; địa chỉ: Trung tâm huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên, có mặt.

- Người được Tòa án triệu tập: Ông Dương Vương N, sinh năm 1977, Kiểm lâm địa bản xã H, Hạt Kiểm lâm huyện N, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 3 năm 2021, Lý Ông C tự ý cầm theo 01 con dao quắm dài 90 cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 42 cm, cán dao làm bằng gỗ hình trụ tròn, dài 48 cm, đi bộ từ nhà đến khu vực rừng tự nhiên thuộc bản S, xã H, huyện N, tỉnh Điện Biên để phát rừng làm nương mà không xin phép cơ quan có thẩm quyền. Lý Ông C một mình dùng dao quắm chặt phá toàn bộ độ che phủ của nhiều loại cây khác nhau liên tục trong 07 ngày thì dừng lại, chờ cây khô sẽ đốt để lấy đất gieo trồng lúa. Đến ngày 27/4/2021, trong quá trình tuần tra khu vực rừng thuộc bản S, xã H, huyện N, tỉnh Điện Biên, kiểm lâm viên phụ trách địa bàn xã H đã phát hiện đám rừng bị Lý Ông C chặt phá có diện tích lớn. Ngày 11/5/2021, Hạt kiểm lâm huyện N phối hợp với các cơ quan chức năng tiến hành khám nghiệm hiện trường.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 11/5/2021 (có bản ảnh kèm theo) đã xác định: Tổng diện tích rừng bị Lý Ông C chặt phá là 6.711 m² (sáu nghìn bảy trăm mười một mét vuông), mức độ thiệt hại 100%. Các cây gỗ bị chặt phá có đường kính, kích thước chiều dài khác nhau từ nhóm V đến nhóm VIII gồm: Vối thuốc, Ba soi, Dẻ, Thành ngạnh, Thầu tầu... có chiều cao trung bình là 7,63 m, đường kính trung bình là 9,71 cm. Vị trí rừng bị chặt phá là khoảnh 5 tiểu khu 512, quy hoạch rừng sản xuất, trạng thái DT2 (đất có cây gỗ tái sinh) theo Quyết định số 1208/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên, thuộc bản S, xã H, huyện N, tỉnh Điện Biên do Ủy ban nhân dân xã H, huyện N quản lý. Tổng khối lượng gỗ tròn mà Lý Ông C chặt phá là 6,511m³, khối lượng củi tận thu là 5,590 ster.

Tại kết luận định giá tài sản số 09/KL-HĐĐGTS, ngày 20/5/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện N, xác định tổng giá trị thiệt hại về lâm sản do Lý Ông C gây ra là 10.325.500 (mười triệu, ba trăm hai mươi lăm nghìn, năm trăm) đồng; không xác định được giá quyền sử dụng rừng.

Tại bản Cáo trạng số 44/CT-VKSNP ngày 06/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên đã truy tố bị cáo Lý Ông C về tội Hủy hoại rừng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ quyền công tố và kiểm sát xét xử luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Lý Ông C về tội Hủy hoại rừng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243, điểm b, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo Lý Ông C từ 15 tháng đến 18 tháng tù; đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và miễn án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm cho bị cáo. Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị: Tịch thu tiêu hủy 01 con dao quắm dài 90 cm. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 592, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Nhà nước.

Người bào chữa cho bị cáo nhất trí với luận tội của vị đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng đối với bị cáo. Người bào chữa đề nghị Hội

đồng xét xử xem xét hoàn cảnh và nhân thân của bị cáo; áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s khoản 1 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật hình sự, Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao cho bị cáo được hưởng án treo. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và miễn án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo Lý Ông C nhất trí với luận cứ của người bào chữa, không tranh luận gì, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp: Xét thấy diện tích rừng bị cáo chặt phá là tương đối lớn, bị cáo mới chỉ bồi thường được một phần thiệt hại cho Nhà nước. Bên cạnh đó, nạn chặt phá rừng trên địa bàn huyện N nói chung và bản S, xã H nói riêng thời gian qua có chiều hướng tăng, nếu không áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo sẽ không bảo đảm tính răn đe, phòng ngừa chung trong Nhân dân.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự trình bày: Hành vi vi phạm pháp luật của bị cáo là rõ ràng, gây thiệt hại cho Nhà nước nên yêu cầu bị cáo bồi thường toàn bộ thiệt hại.

Người làm chứng Phòng Ông Sử vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại giai đoạn điều tra có lời khai (bút lục 127 – 128) là nhìn thấy Lý Ông C một mình dùng dao quắm chặt phá rừng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tội danh và điều luật Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố đối với bị cáo:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Lý Ông C đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như sau: Vào khoảng tháng 3 năm 2021, bị cáo tự ý dùng dao quắm phát trắng toàn bộ diện tích 6.711 mét vuông (m²) rừng tự nhiên. Vị trí rừng bị Lý Ông C chặt phá là khoảnh 5 tiểu khu 512, quy hoạch rừng sản xuất, trạng thái DT2 (đất có cây gỗ tái sinh) theo Quyết định số 1208/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên, thuộc bản S, xã H, huyện N, tỉnh Điện Biên do Ủy ban nhân dân xã H, huyện N quản lý, bảo vệ. Mục đích bị cáo chặt phá rừng là để lấy đất làm nương trồng lúa, gây thiệt hại về lâm sản là 10.325.500 đồng. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng thu giữ, kết luận định giá và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ.

Do đó, đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Lý Ông C phạm tội Hủy hoại rừng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 của Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tại điểm b khoản 1 Điều 243 của Bộ luật hình sự quy định: “1. Người nào đốt, phá rừng trái phép hoặc có hành vi khác hủy hoại rừng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:...

b) Rừng sản xuất có diện tích từ 5.000 mét vuông (m^2) đến dưới 10.000 mét vuông (m^2); ...”

[2] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng rừng được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo làm ảnh hưởng đến môi trường rừng, là nguyên nhân dẫn đến thiên tai và biến đổi khí hậu, gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước. Bản thân bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, không bị ai xúi giục. Do đó, cần phải có hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, để giữ vững kỷ cương của pháp luật và làm gương răn đe, giáo dục trong Nhân dân.

[3] Về nhân thân: Bị cáo Lý Ông C xuất thân trong gia đình nông dân, muốn có đất để canh tác nên đã chặt phá rừng. Nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội một phần là do bị cáo thiếu ý thức chấp hành pháp luật, một phần là do xuất phát từ tập quán canh tác lạc hậu của đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện. Ngoài lần phạm tội này bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tại giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo luôn thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, tại giai đoạn chuẩn bị xét xử, mặc dù hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn nhưng bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại về rừng là 3.500.000 đồng cho Nhà nước, đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 243 của Bộ luật Hình sự thì *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”*, do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy, bị cáo có nghề nghiệp chính là làm nương, thu nhập thấp, gia đình bị cáo ngoài đồ dùng sinh hoạt, không có tài sản giá trị nên bị cáo không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung là phạt tiền. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng của vụ án: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự Hội đồng xét xử quyết định: Tịch thu tiêu hủy 01 con dao phát (dao quắm) dài 90 cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 42 cm, màu đen, cán dao làm bằng gỗ hình trụ tròn, đường kính trung bình 03 cm, dài 48 cm màu nâu đen là công cụ phạm tội. Đối với các cây gỗ bị Lý Ông C chặt phá, cơ quan tố tụng giao Ủy ban nhân dân xã H quản lý, do địa hình rừng núi khó khăn không vận chuyển được, các cây gỗ đã mục nát, không còn giá trị sử dụng nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[7] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 592, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự,

buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho Nhà nước số tiền 10.325.500 đồng, bị cáo đã bồi thường được 3.500.000 đồng, còn phải bồi thường 6.825.500 đồng.

[8] Xét đề nghị của người bào chữa: Người bào chữa đề nghị áp dụng điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự và Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao cho bị cáo được hưởng án treo. Xét thấy, tình hình chặt phá rừng trái phép trên địa bàn huyện N ngày càng diễn biến phức tạp và có chiều hướng gia tăng. Những người vi phạm thường viện cớ vào nương cũ để chặt phá rừng và có xu hướng bắt chước nhau, dẫn đến nhiều người trong một bản cùng chặt phá rừng. Bị cáo nhận thức rõ hành vi chặt phá rừng là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện, nếu cho bị cáo được hưởng án treo sẽ không đảm bảo tính răn đe, phòng ngừa trong Nhân dân. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của người bào chữa cho bị cáo được hưởng treo. Đối với đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và miễn án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm của người bào chữa là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên và người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[10] Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, xét thấy bị cáo là dân tộc thiểu số (dân tộc Dao) sống tại xã H, huyện N là xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị cáo.

[11] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo có quyền kháng cáo bản án, nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến việc bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 243 của Bộ luật hình sự;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lý Ông C phạm tội Hủy hoại rừng.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lý Ông C 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 12/8/2021.

3. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, khoản 1 Điều 586, Điều 589 của Bộ luật dân sự, buộc bị cáo Lý Ông C phải bồi thường thiệt hại cho Nhà nước số tiền 10.325.500 (mười triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn năm trăm) đồng, bị cáo đã tự nguyện bồi thường được 3.500.000 (ba triệu năm trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền số 0002801, ngày 07/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện

N, bị cáo còn phải bồi thường số tiền là 6.825.500 (sáu triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn năm trăm) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bị cáo không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành, thì còn phải chịu tiền lãi của số tiền chưa thi hành theo mức lãi suất phát sinh do chậm trả tiền tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

4. Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 con dao phát (dao quắm) dài 90 cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 42 cm, màu đen, cán dao làm bằng gỗ hình trụ tròn, đường kính trung bình 03 cm, dài 48 cm, màu nâu đen.

(Vật chứng được niêm phong như biên bản giao, nhận vật chứng ngày 06/10/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N và Chi cục thi hành án dân sự huyện N).

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị cáo Lý Ông C.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo có quyền kháng cáo bản án; nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến việc bồi thường thiệt hại trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Nguyên đơn dân sự;
- Người bào chữa;
- VKSND huyện N;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Cơ quan CSĐT CA huyện N;
- Cơ quan THAHS CA huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Điện Biên;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Phòng KTNV&THA - TAND tỉnh Điện Biên;
- Lưu HS: VA, THAHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Sao

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

